



BIẾN ĐỘNG CÁC CHỈ SỐ

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG VÀ KHUYẾN NGHỊ 10/08/2020

ÁP LỰC BÁN CUỐI PHIÊN NHƯNG VNINDEX VẪN DUY TRÌ PHIÊN TĂNG THỨ 6 LIÊN TIẾP

Diễn biến thị trường:

Thị trường mở cửa phiên giao dịch đầu tuần với tâm lý khá hứng khởi của nhà đầu tư. Ngay từ đầu phiên giao dịch lực cầu dâng cao đã đẩy hàng loạt cổ phiếu trụ cột tăng giá, kéo các chỉ số lên trên mốc tham chiếu. Lực mua được duy trì đến hết phiên và có thời điểm chỉ số Vnindex đã tăng hơn 8 điểm. Tuy nhiên áp lực chốt lời bất ngờ xuất hiện vào cuối phiên chiều đẩy chỉ số Vnindex xuống về mức 843,3 điểm, chỉ tăng nhẹ 0,21% so với phiên giao dịch cuối tuần trước.

Nổi bật trong phiên giao dịch ngày hôm nay là nhóm cổ phiếu bất động sản khu công nghiệp. Hàng loạt cổ phiếu đã tăng mạnh sau thông tin Tập đoàn bất động sản LOGOS, chuyên hoạt động trong lĩnh vực bất động sản khu công nghiệp và có trụ sở tại Sydney đang huy động 1,2 tỷ USD để thâm nhập vào thị trường Việt Nam và Hàn Quốc. Đóng cửa phiên giao dịch, các cổ phiếu ITA, LHG, SZL, SZE, TIP tăng mạnh mẽ lên mức giá trần, trong khi những cổ phiếu còn lại hầu hết đều tăng mạnh trên mức 2%.

Nhìn chung phiên giao dịch đầu tuần không đạt được sự đột biến về mặt điểm số nhưng đà tăng hầu như được lan tỏa đến toàn thị trường khi trên sàn HOSE có tới 275 mã tăng giá trong khi chỉ có 116 mã giảm giá. Các hợp đồng tương lai cũng đóng cửa ở mức xanh, VN30F2008 tăng 1,8 điểm, VN30F2009 tăng 4 điểm, VN30F2012 tăng 4,1 điểm và VN30F2103 tăng 6,2 điểm. Thanh khoản thị trường tăng nhẹ so với phiên trước nhưng chỉ đạt ở mức trung so với những phiên gần đây. Đóng cửa phiên giao dịch ngày 10/08, trên sàn HOSE có 309,29 triệu cổ phiếu khớp lệnh, tương ứng với giá trị giao dịch đạt 4868,16 tỷ.

Đáng lưu ý là trái với tâm lý tích cực của thị trường, khối ngoại lại bán ròng tương đối mạnh trong phiên hôm nay. Giá trị bán ròng trên cả 2 sàn HSX và HNX đạt 190,94 tỷ, trong đó giá trị bán ròng trên sàn HSX là 188,59 tỷ. Các cổ phiếu bị khối ngoại bán ròng mạnh có VHM với giá trị 54,3 tỷ, AGG 42,00 tỷ, VNM 33,81 tỷ và NLG 29,21 tỷ. Ở chiều mua, khối ngoại mua ròng HDB 9,15 tỷ, PHR 6,70 tỷ, STB 5,47 tỷ...

Diễn biến CP CSI:

Phiên giao dịch ngày 10/08 đã có 200 cổ phiếu CSI được khớp lệnh ở mức giá tham chiếu. Kết phiên, CSI vẫn giữ mức giá 14.800 đồng/cp và không thay đổi so với phiên giao dịch trước.

KHUYẾN NGHỊ ĐẦU TƯ:

Áp lực chốt lời dần hiện hữu trong những phiên giao dịch gần đây khi chỉ số VN-Index liên tục tạo thành những cây nến rút bóng trên. Vì vậy chúng tôi cho rằng trong ngắn hạn Vn-Index có thể xuất hiện những nhịp điều chỉnh nhỏ và đây là cơ hội để nhà đầu tư có thể gia tăng tỷ trọng cổ phiếu. Trong xu hướng trung hạn, chúng tôi cho rằng thị trường sẽ có sự phân hóa mạnh giữa các cổ phiếu. Những cổ phiếu có câu chuyện tăng trưởng riêng hoặc có mức định giá hấp dẫn sẽ là điểm đến của các dòng tiền thông minh giai đoạn từ giờ tới cuối năm.

Tổng quan thị trường	HSX	HNX
Giá trị đóng cửa	843,20	113,64
Thay đổi (%)	0,21%	0,77%
KLGD (triệu CP)	309,30	55,75
GTGD (tỷ VNĐ)	4.868,16	595,18
Số CP tăng giá	275	87
Số Cp đứng giá	82	209
Số Cp giảm giá	116	58

Chỉ số tài chính	HSX	HNX
PB (lần)	1,88	0,99
PE (lần)	13,94	9,15
Hệ số Beta	1,00	0,77
ROE (%)	16,62%	14,23%
ROA (%)	6,79%	4,93%

Giao dịch thỏa thuận	HSX	HNX
Khối lượng (triệu CP)	31,87	8,37
GTGD (tỷ VNĐ)	550,55	171,18

Giao dịch NĐT NN	HOSE	HNX
Giá trị mua (tỷ VNĐ)	406,51	8,56
Giá trị bán (tỷ VNĐ)	595,10	10,91
GTGD ròng (tỷ VNĐ)	188,59	2,35
Tổng GTGD (tỷ VNĐ)	190,94	

Chỉ số HĐTL	Đóng cửa	+/-
VN30-Index	784,30	2,15
VN30F2008	782,40	1,80
VN30F2009	781,50	4,00
VN30F2012	773,10	4,10
VN30F2103	773,30	6,20

Thị trường thế giới	Đóng cửa	(%)
DJI *	27.433,48	0,17%
S&P 500 *	3.351,28	0,06%
DAX *	12.674,88	0,66%
FTSE 100 *	6.032,18	0,09%
Nikkei 225	22.329,94	0,39%
Hang Seng	24.377,43	0,63%

* Các chỉ số lấy giá trị phiên liền trước

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CHUYÊN SÂU VNINDEX



Chỉ báo/Chỉ số	Chỉ báo ngắn hạn	Chỉ báo/Chỉ số	Chỉ báo Trung hạn
Stochastic	TÍCH CỰC	MACD	TÍCH CỰC
Volume	TÍCH CỰC	MA18	TÍCH CỰC
MA Ngắn hạn	TÍCH CỰC	MA65	TIÊU CỰC
Trend Ngắn hạn	TÍCH CỰC	Trend Trung hạn	TIÊU CỰC

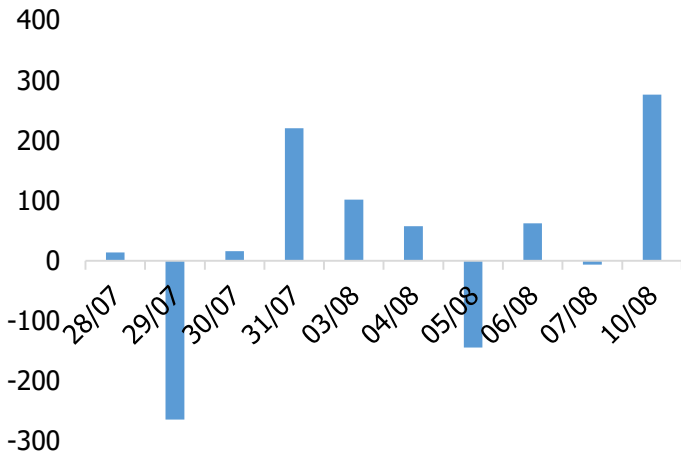
Kết luận: Duy trì sắc xanh phiên thứ 6 liên tiếp của chỉ số Vn-index, nhưng điểm trừ đã tăng đã bị thu hẹp khá mạnh về cuối phiên. Điểm nhấn trong phiên hôm nay là chỉ số Vn-index đã test ngưỡng kháng cự 850 điểm mà không giữ được với thanh khoản tăng khá cao cho thấy áp lực chốt lời đang lớn dần lên.

Không chinh phục được ngưỡng kháng cự 850 điểm với thanh khoản dâng cao đã hình thành mẫu hình nền đảo chiều trong ngắn hạn "Shooting Star". Tuy nhiên, theo quan sát của chúng tôi thì xu hướng tăng vẫn chưa bị bẻ gãy và có khả năng sẽ tích lũy lại để chờ thêm động lực bứt phá. Dựa trên quan điểm đó, chúng tôi chưa khuyến nghị chốt lời mà kiên nhẫn chờ thêm, đồng thời hạn chế việc mở thêm vị thế mua mới. Ở những CP vừa mới đột phá khỏi nền tảng tích lũy thì tận dụng nhịp chỉnh của thị trường trong các phiên tới để tăng thêm tỷ trọng ở các điểm mua an toàn.

GIAO DỊCH NHÓM NHÀ ĐẦU TƯ VÀ CHỈ SỐ ĐỊNH GIÁ THỊ TRƯỜNG

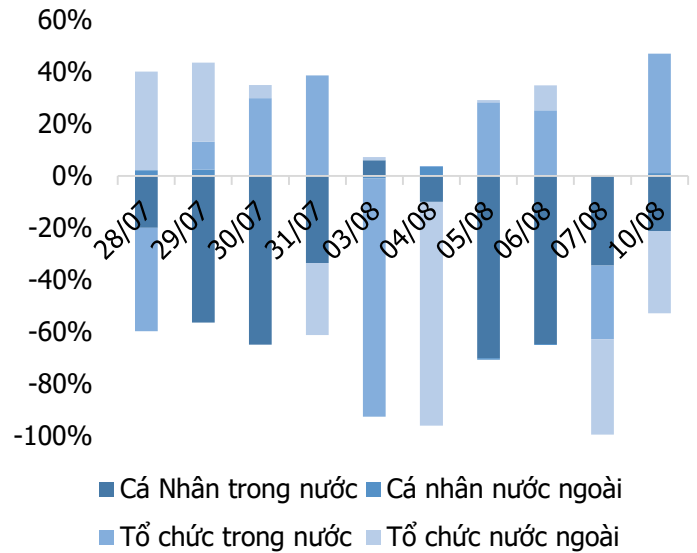
Giao dịch tự doanh ròng - Ngày

Giao dịch tự doanh ròng theo ngày



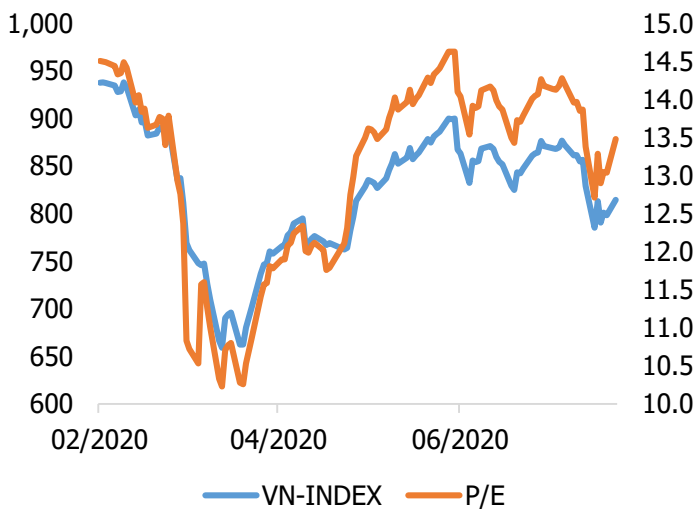
Giá trị giao dịch theo nhà đầu tư - Ngày

Giao dịch theo NĐT



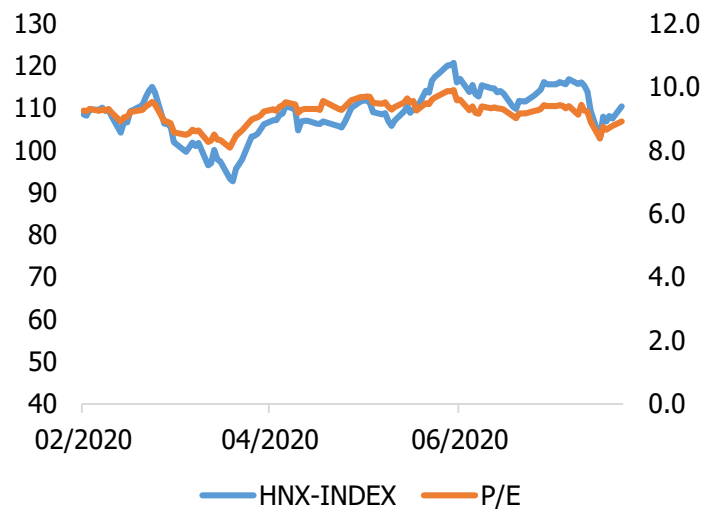
Vn-index – P/E lịch sử

VNIndex - P/E lịch sử



Hn-index – P/E lịch sử

HNXIndex - P/E lịch sử



TOP MUA RÒNG TỰ DOANH

Top mua ròng		
Mã CP	Giá	Giá trị (Tr, đồng)
VNM	114,500	35,035.94
HPG	24,300	31,512.18
VIC	88,200	25,144.56
TCB	19,400	23,532.57
VPB	21,350	19,929.59

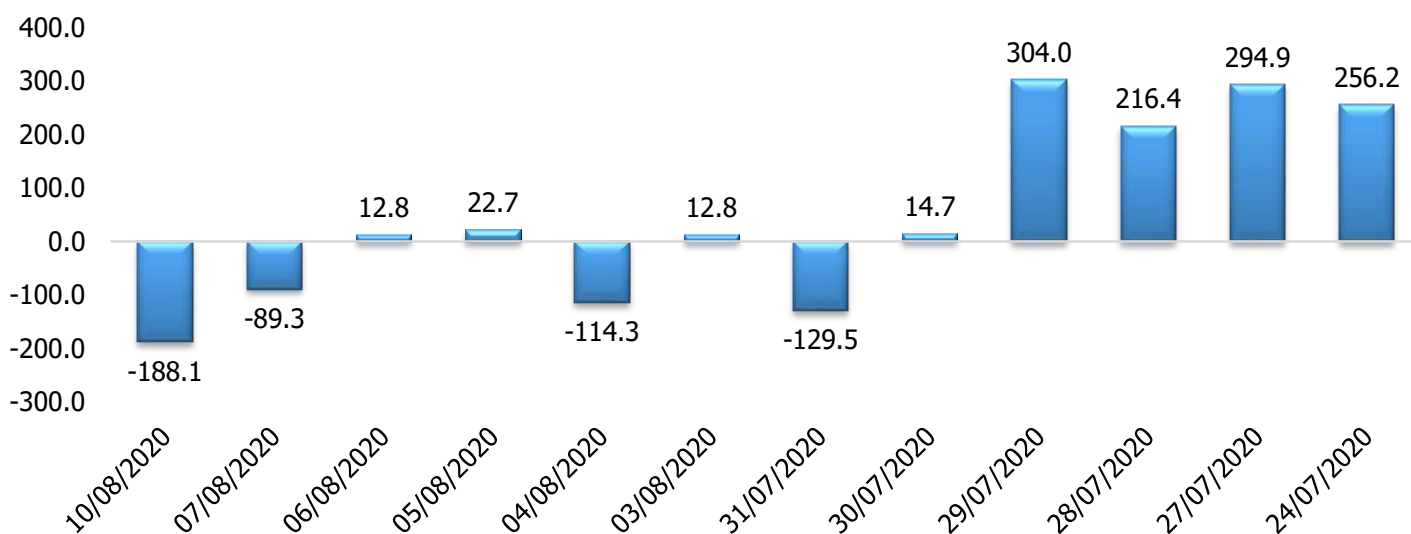
TOP BÁN RÒNG TỰ DOANH

Top bán ròng		
Mã CP	Giá	Giá trị (Tr, đồng)
HDG	20,450	9,018.14
VHM	79,600	8,320.41
E1VFN30	13,290	7,705.52
FUEVFN30	11,730	7,258.06
VPB	21,350	6,367.84

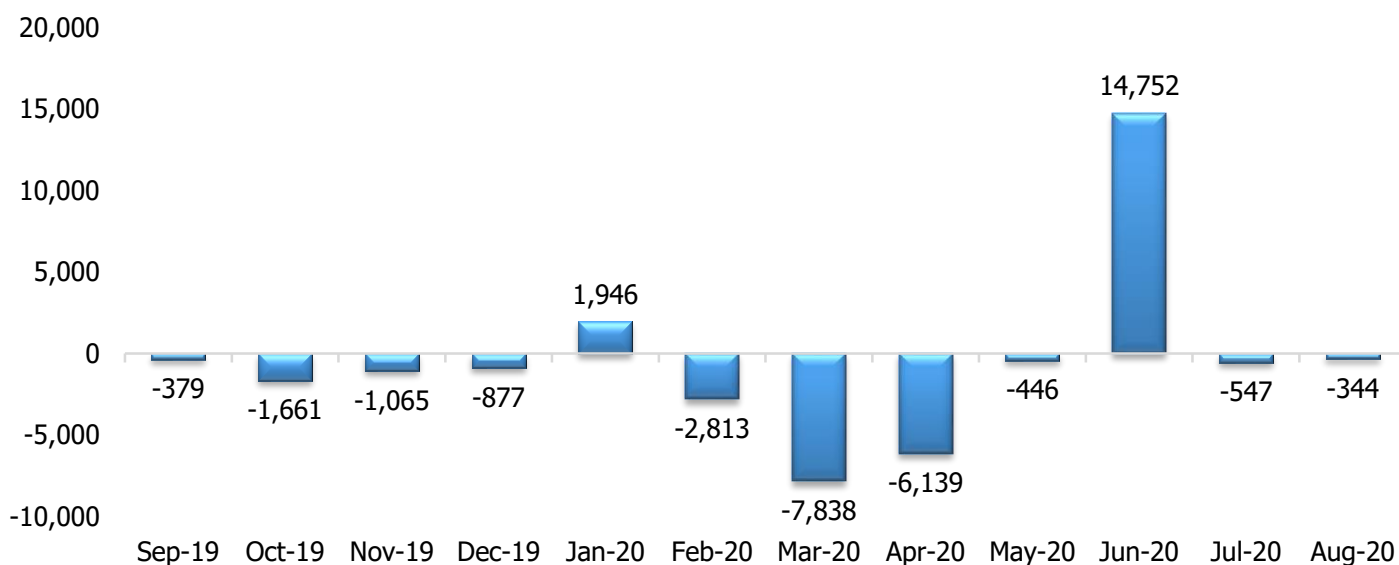
(Nguồn: Fiinpro, VNCS tổng hợp và tính toán)

GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài 12 phiên gần nhất (tỷ VNĐ)



Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài 12 tháng gần nhất (tỷ VNĐ)



HOSE TOP MUA-BÁN RÒNG

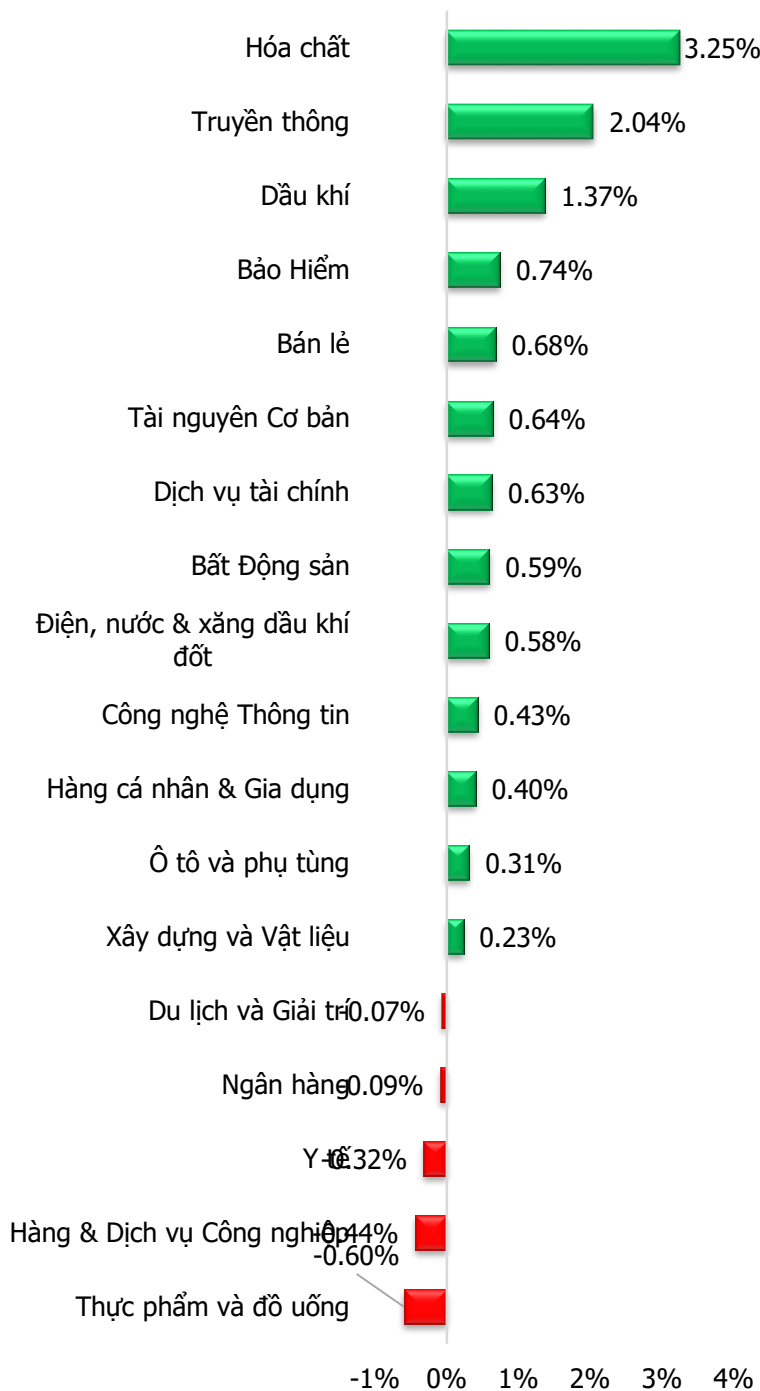
Top mua ròng		Top bán ròng	
Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)	Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)
HDB	9.15	VHM	54.27
FUEVFVND	7.30	AGG	42.01
PHR	6.70	VNM	33.81
E1VFN30	6.66	NLG	29.21
STB	5.49	VIC	14.13

HNX TOP MUA-BÁN RÒNG

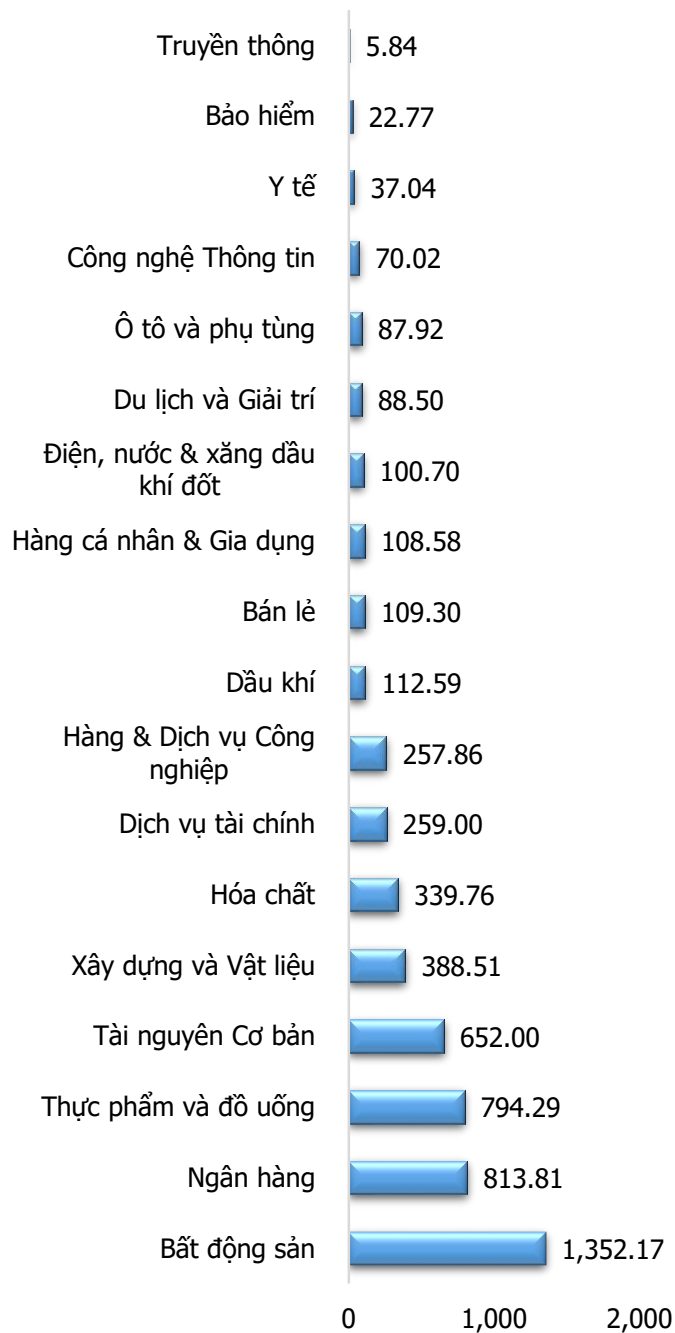
Top mua ròng		Top bán ròng	
Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)	Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)
PVS	6.73	TNG	5.27
VCS	0.35	BVS	2.23
CVN	0.15	HUT	1.16
AMV	0.13	SHS	0.37
IDV	0.11	LAS	0.18

NHÓM NGÀNH

Biến động giá theo ngành



Giá trị giao dịch theo ngành (tỷ đồng)



(Nguồn: Fiiopro)

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

	Cổ phiếu	Giá Mua cao nhất	Giá Bán cao nhất	Cắt lỗ	Giá đóng cửa	Vùng Mua dự kiến	Vùng Bán dự kiến	Ngày Mua	Ngày Bán	Lợi nhuận	Cập nhật
Danh Mục Khuyến Nghị Mua	AGM	11.4	12.7	10.4	11.70	11.30					Chờ khớp
	BFC	12.9	14.3	11.8	13.30	12.80					Chờ khớp
	DLG	1.4	1.5	1.3	1.40	1.38					Chờ khớp
	DVN	11.2	12.4	10.2	11.40	11.10					Chờ khớp
	GVR	11.0	12.2	10.0	11.15	10.90					Chờ khớp
	NLG	26.4	29.2	24.0	26.60	26.10					Chờ khớp
	SZL	46.6	51.6	42.4	47.50	46.10					Chờ khớp
	TAC	35.9	39.8	32.7	36.40	35.50					Chờ khớp
	THG	50.1	55.6	45.6	50.50	49.60					Chờ khớp
	TRC	31.3	34.7	28.5	31.60	31.00					Chờ khớp
VLC	25.5	28.2	23.2	25.90	25.20					Chờ khớp	
Danh Mục Đang Giữ	BMI	21.6	24.0	19.7	21.35	21.40		8/7/2020		-0.2%	Nắm giữ
	C32	24.0	26.7	21.9	24.20	23.80		8/7/2020		1.7%	Nắm giữ
	LHG	20.2	22.4	18.4	22.75	20.00		8/6/2020		13.8%	Nắm giữ
	DGW	42.4	47.0	38.6	42.60	42.00		8/6/2020		1.4%	Nắm giữ
	D2D	56.1	62.2	51.1	58.00	55.50		8/6/2020		4.5%	Nắm giữ
	CDC	23.1	25.6	21.1	26.45	22.90		8/5/2020		15.5%	Nắm giữ
	KSB	22.3	24.8	20.3	24.20	22.10		8/5/2020		9.5%	Nắm giữ
	NVL	65.1	72.2	59.3	64.80	64.50		8/3/2020		0.5%	Nắm giữ
	VSC	30.8	34.2	28.1	31.70	30.50		7/31/2020		3.9%	Nắm giữ
	L14	55.6	61.6	50.6	65.00	55.00		7/29/2020		18.2%	Nắm giữ
	SCS	111.1	123.2	101.2	110.00	110.00		7/29/2020		0.0%	Nắm giữ
	SZC	23.0	25.5	21.0	27.30	22.80		7/29/2020		19.7%	Nắm giữ
	SZL	41.6	46.1	37.9	47.50	41.20		7/29/2020		15.3%	Nắm giữ
	TPB	20.6	22.8	18.8	21.00	20.40		7/29/2020		2.9%	Nắm giữ
TRC	31.2	34.6	28.4	31.60	30.90		7/8/2020		2.3%	Nắm giữ	
DHC	37.5	41.6	34.1	44.10	37.10		7/3/2020		18.9%	Nắm giữ	
NT2	22.1	24.5	20.1	21.80	21.90		6/23/2020		9.7%	Nắm giữ	
Danh Mục Đã Bán	DVN	10.9	12.1	9.9	11.50	10.80	11.60	7/3/2020	7/21/2020	7.4%	Đã bán
	KDH	23.6	26.2	21.5	22.85	23.40	23.50	7/29/2020	8/3/2020	0.4%	Đã bán
	LPB	8.5	9.4	7.7	7.80	8.40	8.40	7/7/2020	7/28/2020	0.0%	Đã bán
	VCR	8.6	9.5	7.8	8.00	8.50	8.50	4/21/2020	7/28/2020	0.0%	Đã bán
	VRE	28.2	31.2	25.7	25.55	27.90	25.70	7/24/2020	7/29/2020	-7.9%	Đã bán
	DGC	40.6	45.0	37.0	37.60	40.20	37.00	7/4/2020	7/29/2020	-8.0%	Đã bán
	IDJ	12.7	14.1	11.6	11.30	12.60	12.40	7/24/2020	7/28/2020	-1.6%	Đã bán
	PGD	30.8	34.2	28.1	29.70	30.50	28.10	7/24/2020	7/28/2020	-7.9%	Đã bán
	DPM	14.8	16.5	13.5	14.25	14.70	13.90	7/23/2020	7/27/2020	-5.4%	Đã bán
	PHR	54.6	60.6	49.8	52.70	54.10	52.10	7/22/2020	7/27/2020	-3.7%	Đã bán
	TAC	36.0	39.9	32.8	33.20	35.60	32.20	7/22/2020	7/27/2020	-9.6%	Đã bán
	AAA	12.6	14.0	11.5	11.85	12.50	11.50	7/21/2020	7/27/2020	-8.0%	Đã bán
	BFC	12.3	13.7	11.2	11.50	12.20	11.30	7/20/2020	7/27/2020	-7.4%	Đã bán
	ACB	24.7	27.4	22.5	23.20	24.50	22.50	7/20/2020	7/27/2020	-8.2%	Đã bán
	TPB	22.1	24.5	20.1	20.70	21.90	20.10	7/17/2020	7/27/2020	-8.2%	Đã bán
	VJC	110.9	123.0	101.0	103.80	109.80	100.00	7/17/2020	7/27/2020	-8.9%	Đã bán
	ADS	10.3	11.4	9.4	9.85	10.20	9.80	7/16/2020	7/27/2020	-3.9%	Đã bán
	VCS	63.6	70.6	58.0	58.80	63.00	57.50	7/13/2020	7/27/2020	-8.7%	Đã bán
	VPB	22.5	25.0	20.5	21.20	22.30	20.50	7/13/2020	7/27/2020	-8.1%	Đã bán
	HDB	27.2	30.1	24.7	25.30	26.90	25.30	7/10/2020	7/27/2020	-5.9%	Đã bán
HDC	16.3	18.0	14.8	15.65	16.10	15.00	7/10/2020	7/27/2020	-6.8%	Đã bán	
TCB	20.8	23.1	19.0	19.50	20.60	19.00	7/10/2020	7/27/2020	-7.8%	Đã bán	
HPG	28.2	31.2	25.7	26.85	27.90	27.00	7/8/2020	7/27/2020	-3.2%	Đã bán	
STB	11.5	12.8	10.5	10.90	11.40	10.50	7/7/2020	7/27/2020	-7.9%	Đã bán	
VGC	20.7	23.0	18.9	19.35	20.50	19.00	7/3/2020	7/27/2020	-7.3%	Đã bán	



SSI	16.0	17.7	14.5	14.90	15.80	14.50	6/24/2020	7/27/2020	-8.0%	Đã bán
TCH	22.2	24.6	20.2	20.65	22.00	19.20	6/24/2020	7/27/2020	-12.7%	Đã bán
KDH	24.2	26.9	22.1	24.80	24.00	23.50	6/22/2020	7/27/2020	-2.1%	Đã bán
PVB	15.4	17.0	14.0	15.40	15.20	14.80	6/22/2020	7/27/2020	-2.6%	Đã bán
BTP	15.3	16.9	13.9	14.60	15.10	14.60	7/8/2020	7/21/2020	-3.3%	Đã bán
DPG	24.1	26.8	22.0	23.05	23.90	22.00	7/21/2020	7/24/2020	-7.9%	Đã bán
CEO	8.3	9.2	7.5	7.60	8.20	7.50	7/10/2020	7/24/2020	-8.5%	Đã bán
PET	9.6	10.6	8.7	9.13	9.50	8.70	7/7/2020	7/24/2020	-8.4%	Đã bán
BMP	56.1	62.2	51.1	50.50	55.50	51.10	7/4/2020	7/24/2020	-7.9%	Đã bán
SGN	74.7	82.9	68.1	68.00	74.00	68.10	6/10/2020	7/24/2020	-8.0%	Đã bán
PWA	9.1	10.1	8.3	8.60	9.00	8.30	5/15/2020	7/24/2020	-7.8%	Đã bán
SJS	16.1	17.8	14.6	22.90	15.90	22.00	4/7/2020	6/12/2020	38.4%	Đã bán
DP3	64.6	71.7	58.9	85.30	64.00	86.0	8/5/2019	5/25/2020	34.4%	Đã bán
SNZ	18.9	20.9	17.2	24.80	18.70	24.30	4/21/2020	6/12/2020	29.9%	Đã bán
SIP	72.8	80.8	66.3	91.00	72.10	94.50	4/14/2020	6/12/2020	28.3%	Đã bán
LPB	6.5	7.2	5.9	7.80	6.40	8.00	4/7/2020	5/28/2020	25.0%	Đã bán
BSR	6.1	6.7	5.5	7.20	6.00	7.20	4/21/2020	6/25/2020	20.0%	Đã bán
MSN	53.0	58.8	48.3	62.00	52.50	62.50	3/9/2020	5/25/2020	19.0%	Đã bán
TIG	5.8	6.4	5.2	6.60	5.70	6.70	4/21/2020	6/3/2020	17.5%	Đã bán
C32	20.7	23.0	18.9	24.00	20.50	24.00	4/13/2020	6/12/2020	17.1%	Đã bán
DLG	1.6	1.7	1.4	1.72	1.54	1.80	6/2/2020	6/25/2020	16.9%	Đã bán
VIB	15.2	16.8	13.8	17.00	15.00	17.30	5/12/2020	6/12/2020	15.3%	Đã bán
HBC	8.0	8.8	7.3	9.04	7.90	9.10	4/28/2020	5/28/2020	15.2%	Đã bán
TDT	10.3	11.4	9.4	9.70	10.20	9.70	6/10/2020	6/26/2020	14.5%	Đã bán
C69	5.2	5.7	4.7	5.60	5.10	5.80	4/13/2020	5/25/2020	13.7%	Đã bán
VTP	112.1	124.3	102.1	125.00	111.00	126.00	4/10/2020	5/25/2020	13.5%	Đã bán
G36	4.9	5.5	4.5	5.70	4.90	5.50	5/27/2020	6/12/2020	12.2%	Đã bán
PAC	20.7	23.0	18.9	21.25	20.50	23.00	4/27/2020	5/25/2020	12.2%	Đã bán
HMC	12.6	14.0	11.5	13.60	12.50	14.00	4/20/2020	5/25/2020	12.0%	Đã bán
ILB	15.3	16.9	13.9	16.80	15.10	16.90	4/28/2020	6/12/2020	11.9%	Đã bán
SAS	27.5	30.5	25.0	28.30	27.20	28.30	4/21/2020	5/29/2020	10.7%	Đã bán
TDG	1.8	2.0	1.6	1.84	1.78	1.96	6/1/2020	6/25/2020	10.1%	Đã bán
PLX	43.2	47.9	39.4	46.40	42.80	46.40	4/21/2020	5/25/2020	8.4%	Đã bán
PME	61.1	67.8	55.7	59.00	60.50	59.70	4/29/2020	5/25/2020	7.9%	Đã bán
SMB	29.9	33.2	27.2	31.60	29.60	31.90	4/15/2020	5/27/2020	7.8%	Đã bán
TLG	28.8	31.9	26.2	30.00	28.50	30.50	4/9/2020	5/5/2020	7.0%	Đã bán

NHÓM CÁC CỔ PHIẾU CÓ GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

HOSE TOP TĂNG GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
QBS	2,140	140	7.00%	45,300
SZL	47,600	3,100	6.97%	228,460
TIP	20,100	1,300	6.91%	218,230
DAT	80,500	5,200	6.91%	2,090
HAP	3,720	240	6.90%	134,310

HNX TOP TĂNG GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
FID	1,000	100	11.11%	13,200
KVC	1,000	100	11.11%	99,006
SPI	1,000	100	11.11%	129,400
QNC	5,500	500	10.00%	2,510
GDW	20,900	1,900	10.00%	800

HOSE TOP GIẢM GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
SGR	17,700	-1,300	-6.84%	250
CDC	26,450	-1,950	-6.87%	1,680
KPF	14,750	-1,100	-6.94%	1,440
SVC	85,100	-6,400	-6.99%	30
RIC	5,050	-380	-7.00%	540

HNX TOP GIẢM GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
HLC	7,200	-800	-10.00%	17,708
TTZ	3,600	-400	-10.00%	285,400
NHP	600	-100	-14.29%	882,900
BII	600	-100	-14.29%	59,900
ACM	600	-100	-14.29%	351,288

HOSE TOP KHỐI LƯỢNG GD ĐỘT BIẾN

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
ITA	4,260	270	6.77%	15,382,750
HQC	1,660	100	6.41%	14,987,030
HSG	11,400	200	1.79%	12,569,110
STB	10,600	150	1.44%	11,949,300
DLG	1,400	90	6.87%	6,356,780

HNX TOP KHỐI LƯỢNG GD ĐỘT BIẾN

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
MBG	4,900	400	8.89%	8,189,908
KLF	1,700	100	6.25%	3,839,608
NVB	8,600	0	0.00%	3,330,610
ART	2,300	100	4.55%	2,026,130
TVC	7,300	-100	-1.35%	1,188,659

HOSE TOP GIÁ TRỊ GD NHIỀU NHẤT

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
ITA	4,260	270	6.77%	15,382,750
HQC	1,660	100	6.41%	14,987,030
HPG	24,300	100	0.41%	14,144,220
HSG	11,400	200	1.79%	12,569,110
STB	10,600	150	1.44%	11,949,300

HNX TOP GIÁ TRỊ GD NHIỀU NHẤT

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
MBG	4,900	400	8.89%	8,189,908
KLF	1,700	100	6.25%	3,839,608
NVB	8,600	0	0.00%	3,330,610
HUT	2,200	0	0.00%	2,892,946
PVS	12,100	100	0.83%	2,659,999

(Nguồn: Fiinpro, VNCS tổng hợp và tính toán)

DANH MỤC VN30:

STT	Mã CP	Vốn hóa	Giá trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDBQ 6T	Giá hiện tại	Tăng/giảm 12T
		tỷ VNĐ	VNĐ	VNĐ	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn VNĐ	%
1	BID	153,239	19,040	2,164	0.7%	16.2%	17.61	2.00	1,219,308	38,100	13.57%
2	TCH	7,189	13,722	2,186	7.8%	8.7%	9.31	1.48	2,079,920	20,600	-3.50%
3	CTG	84,707	21,608	2,995	0.7%	11.9%	7.60	1.05	6,186,080	22,800	12.62%
4	KDH	12,878	14,375	2,045	5.5%	8.5%	12.00	1.71	1,000,112	24,500	6.97%
5	PLX	53,779	16,110	604	5.8%	16.2%	73.89	2.77	1,005,079	45,200	-24.23%
6	EIB	20,777	13,145	567	0.9%	8.6%	29.83	1.29	4,028,938	16,850	-3.43%
7	FPT	36,922	19,083	4,278	11.7%	23.0%	11.01	2.47	2,171,864	47,200	13.04%
8	GAS	134,359	27,347	5,193	17.5%	25.7%	13.52	2.57	670,676	70,500	-25.04%
9	POW	22,014	11,978	917	3.9%	8.9%	10.25	0.78	4,739,931	9,660	-29.85%
10	HDB	25,162	21,599	4,233	1.4%	18.6%	6.15	1.21	1,586,912	26,500	4.20%
11	HPG	80,182	15,817	2,626	16.4%	26.8%	9.22	1.53	10,856,923	24,300	33.85%
12	MBB	39,306	18,156	3,435	1.4%	14.9%	4.74	0.90	6,722,444	16,450	-17.35%
13	MSN	63,240	19,798	3,245	8.9%	26.1%	16.67	2.73	2,631,970	54,500	-27.67%
14	MWG	35,591	31,501	8,353	12.2%	41.3%	9.41	2.50	1,299,475	79,000	-31.05%
15	NVL	62,632	23,617	4,000	3.7%	13.6%	16.15	2.74	1,832,530	64,800	8.39%
16	PNJ	12,427	20,883	4,610	18.8%	28.3%	11.97	2.64	907,520	55,300	-34.87%
17	REE	10,728	33,877	4,779	11.6%	19.1%	7.24	1.02	741,482	34,550	13.80%
18	ROS	1,300	10,380	-72	7.6%	14.0%	-31.88	0.22	14,730,987	2,370	-91.67%
19	SAB	117,996	28,760	6,642	22.0%	30.1%	27.70	6.40	197,642	179,900	-32.68%
20	SBT	8,608	12,299	619	3.0%	8.0%	22.88	1.15	2,990,995	14,150	-13.19%
21	SSI	8,563	16,208	1,718	6.6%	14.4%	8.29	0.88	4,260,204	14,400	-13.36%
22	STB	18,848	15,218	1,349	0.4%	6.3%	7.75	0.69	11,923,657	10,600	0.48%
23	TCB	67,028	19,157	3,103	3.1%	25.6%	6.17	1.00	4,904,042	19,400	-4.73%
24	VCB	307,466	24,127	4,916	1.2%	20.3%	16.86	3.44	1,300,752	81,900	6.68%
25	VHM	261,845	20,856	6,651	0.0%	0.0%	11.97	3.82	4,047,181	79,600	-4.10%
26	VIC	295,963	23,949	2,156	1.6%	5.8%	40.58	3.65	1,087,593	88,200	-25.85%
27	VJC	52,541	28,616	4,390	15.1%	45.4%	22.85	3.51	418,505	100,000	-23.38%
28	VNM	201,129	17,306	6,161	28.5%	38.9%	18.75	6.67	1,765,464	114,500	-0.84%
29	VPB	51,802	19,475	4,126	2.6%	24.1%	5.15	1.09	6,483,160	21,350	13.33%
30	VRE	59,989	12,214	1,058	5.6%	7.9%	24.94	2.16	3,107,773	26,650	-23.92%

(Nguồn: Fiiopro, VNCS tổng hợp và tính toán)

LIÊN HỆ TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU CSI: csi.research@vncsi.com.vn

Người thực hiện: Lưu Chí Kháng

Phó Phòng Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Email: khanglc@vncsi.com.vn

Người thực hiện: Đỗ Thị Hường

Chuyên viên bộ phận Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Email: huongdt@vncsi.com.vn

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU CSI

Đỗ Bảo Ngọc

Phó Tổng giám đốc & Giám đốc trung tâm nghiên cứu

Email: ngocdb@vncsi.com.vn

Bộ phận Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Lưu Chí Kháng

Phó Phòng Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Email: khanglc@vncsi.com.vn

Đỗ Thị Hường

Chuyên viên bộ phận Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Email: huongdt@vncsi.com.vn

Bộ phận Phân tích Ngành và Doanh nghiệp

Trần Vũ Phương Liên

Chuyên viên phân tích

Email: lientvp@vncsi.com.vn

Vũ Thùy Dương

Chuyên viên phân tích

Email: duongvt@vncsi.com.vn

Hệ Thống Khuyến Nghị: Hệ thống khuyến nghị của CTCP Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (CSI) được xây dựng dựa trên mức chênh lệch của giá mục tiêu 12 tháng và giá cổ phiếu trên thị trường tại thời điểm đánh giá,

Xếp hạng	Khi (giá mục tiêu – giá hiện tại)/giá hiện tại
MUA	$\geq 20\%$
KHẢ QUAN	Từ 10% đến 20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Từ -10% đến +10%
KÉM KHẢ QUAN	Từ -10% đến -20%
BÁN	$\leq -20\%$

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Bản quyền thuộc về Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (CSI), Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và CSI không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng, Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của CSI, Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào, Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của CSI.

TRỤ SỞ CSI

Tầng 11 Tòa Nhà Diamond Flower, số 48 Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

ĐT: + 84 24 3926 0099 Website: <https://www.vncsi.com.vn>